

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN NGÔ QUYỀN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2018/HNGĐ-ST

Ngày 22-8-2018

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN NGÔ QUYỀN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Minh Thu

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lê Bích Thủy

Bà Hà Thị Mão

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Diệu Hương - Thư ký Toà án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Thu Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 153/2018/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2018 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 615/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Th Th; nơi cư trú: Số 178 đường A, phường Đ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn C T; nơi cư trú: Số 178 đường A, phường Đ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết vụ dân sự ly hôn ngày 10/4/2018, trong bản tự khai, quá trình giải quyết tại Tòa án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Th Th trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Năm 2004, chị Nguyễn Th Th và anh Nguyễn C T kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán nhưng đến ngày 22/3/2005 mới làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân

phường Đ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống bình thường đến năm 2015 thì nảy sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, tính cách không phù hợp. Anh T thường xuyên chửi bới, xúc phạm chị Th, thiếu sự quan tâm, chăm sóc vợ, con. Giữa hai vợ chồng không có tiếng nói chung, tình cảm ngày càng lạnh nhạt nên đến tháng 10/2017 chị Th đã làm đơn xin ly hôn đến Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền. Sau khi nộp đơn, do thấy anh T đã nhận ra sai lầm và mong muốn sửa chữa để vợ chồng hàn gắn tình cảm, cho các con có được tình cảm của cả bố và mẹ nên chị Th đã rút đơn ly hôn để vợ chồng đoàn tụ. Tuy nhiên, sau khi rút đơn ly hôn tình cảm vợ chồng không được cải thiện, giữa hai người tiếp tục mâu thuẫn; nguyên nhân chủ yếu do quan điểm, tính cách không phù hợp, anh T không sửa chữa sai lầm, tiếp tục chửi bới, xúc phạm vợ. Mâu thuẫn căng thẳng từ tháng 3/2018 và anh chị đã sống ly thân từ đó đến nay, không quan đến nhau về tình cảm cũng như kinh tế. Chị Th đã chuyển về nhà bố mẹ đẻ sinh sống. Vì mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn, chị Th xác định không còn tình cảm với anh T, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị kiên quyết đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh T để giải phóng cho cả hai người.

Về con chung: Quá trình chung sống chị Th và anh T có hai con chung là cháu Nguyễn C T, sinh ngày 25/7/2005 và Nguyễn C Th, sinh ngày 23/6/2010. Khi ly hôn, chị Th đồng ý giao con Nguyễn C T cho anh T nuôi, chị Th nuôi con Nguyễn C Th. Về cấp dưỡng nuôi con, chị và anh T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị Th và anh T tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Nguyễn C T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, không có lý do dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Tuy nhiên, trong bản tự khai và các phiên hòa giải tại Tòa án, anh Nguyễn C T có quan điểm như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh đồng ý với quan điểm của chị Th về điều kiện và quá trình kết hôn. Anh chị kết hôn tự nguyện, có tổ chức lễ cưới năm 2004 và đã làm thủ tục đăng ký kết hôn vào năm 2005 tại Ủy ban nhân dân phường Đ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc và đã có hai chung. Ban đầu, anh T cho rằng anh và chị Th chung sống đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng về quan điểm sống, chủ yếu do mâu thuẫn trong đời sống sinh hoạt hàng ngày; anh T nóng tính nên thỉnh thoảng có chửi bới, xúc phạm chị Th. Mâu thuẫn căng thẳng đến tháng 10/2017 anh chị đã làm đơn xin ly hôn gửi Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền. Sau đó, chị Th đã rút đơn để vợ chồng đoàn tụ, hàn gắn tình cảm. Từ sau khi rút đơn tại Tòa án, anh T đã cố gắng thay đổi, sửa chữa sai lầm, không còn chửi bới, xúc phạm chị Th nữa. Sau đó, anh T thay đổi quan điểm về mâu thuẫn vợ chồng, anh cho rằng, giữa anh và chị Th không có mâu thuẫn trong cuộc sống

chung hàng ngày. Chị Th muốn ly hôn nên đã gửi đơn ly hôn đến Tòa án. Anh chị sống ly thân từ tháng 3/2018 đến nay do chị Th bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống. Quan điểm của anh T đề nghị Tòa án hòa giải đoàn tụ vì anh vẫn còn tình cảm với chị Th.

Về con chung: Anh chị có hai con chung như chị Th đã trình bày. Trường hợp ly hôn, anh T và chị Th thỏa thuận anh nuôi con Nguyễn Công Toàn, chị Th nuôi con Nguyễn Công Thắng. Việc cấp dưỡng nuôi con, anh và chị Th sẽ tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu quan điểm về việc T theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án về cơ bản đã đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; vắng mặt hai lần tại phiên tòa không có lý do. Vì vậy, Tòa án tiếp tục xét xử vụ án là đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Tòa án đã thụ lý vụ án theo đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ được thẩm tra công khai tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Th được ly hôn với anh T. Giao con Nguyễn C T, sinh ngày 25/7/2005 cho anh T nuôi; giao con Nguyễn C Th, sinh ngày 23/6/2010 cho chị Th nuôi; việc cấp dưỡng nuôi con chị Th không yêu cầu nên không xem xét giải quyết; tài sản chung nguyên đơn không yêu cầu nên không đặt vấn đề giải quyết. Chị Th phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

Xét về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1] Đây là vụ án về ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn anh Nguyễn C T cư trú trên địa bàn quận Ngô Quyền nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thời hạn giải quyết vụ án: Vụ án thụ lý ngày 26/4/2018 đến ngày 01/8/2018 có quyết định đưa vụ án ra xét xử là đảm bảo thời hạn giải quyết vụ án theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn C T đã có quan điểm thể hiện trong bản tự khai và các phiên hòa giải tại Tòa án. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho anh T nhưng anh T vắng mặt lần thứ nhất không có lý do tại phiên tòa ngày 16/8/2018. Vì vậy, Tòa án đã hoãn phiên tòa và tổng đạt hợp lệ Quyết định hoãn phiên tòa cho anh T. Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn tiếp tục vắng mặt lần thứ hai không có lý do dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân:

[4] Điều kiện và quá trình kết hôn như chị Th, anh T đã trình bày, hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp. Theo anh chị trình bày và tài liệu xác minh, Tòa án xét thấy mâu thuẫn của anh T và chị Th phát sinh từ khoảng năm 2016, nguyên nhân do anh chị bất đồng về quan điểm sống, tính cách không phù hợp, thường xuyên xảy ra xô xát, cãi vã; anh T nóng tính nên đôi lúc có những cư xử không đúng mực với chị Th. Do mâu thuẫn căng thẳng chị Th đã gửi đơn xin ly hôn đến Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền. Do được Tòa án hòa giải, gia đình khuyên can nên chị Th đã rút đơn ly hôn, tạo điều kiện để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nhưng từ khi chị rút đơn ly hôn, giữa anh chị không hàn gắn được tình cảm, mâu thuẫn ngày càng căng thẳng. Vì vậy chị Th tiếp tục làm đơn xin ly hôn gửi Tòa án, hiện anh chị đang sống ly thân. Tại phiên tòa, chị Th xác định tình cảm vợ chồng không còn; chị cho rằng, nguyên nhân chủ yếu do anh chị bất đồng về quan điểm sống, tính cách không phù hợp; anh T đã có nhiều cơ hội nhưng không thay đổi được cách cư xử nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn để giải phóng. Dù mong muốn hòa giải đoàn tụ nhưng anh T không có mặt tại phiên tòa dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, quá trình giải quyết cũng không đưa ra được phương án để cải thiện mâu thuẫn vợ chồng. Tòa án xét thấy, cuộc sống chung giữa chị Nguyễn Th Th và anh Nguyễn C T đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn; đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Th theo quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về việc nuôi con:

[5] Chị Th và anh T có hai con chung như anh chị đã trình bày. Tại phiên hòa giải, chị Th và anh T thỏa thuận, anh T nuôi con Nguyễn C T, chị Th nuôi con

Nguyễn C Th. Việc cấp dưỡng nuôi con, anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tại phiên tòa, chị Th không thay đổi quan điểm về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con. Cháu Th có nguyện vọng được ở với mẹ; cháu T không có nguyện vọng gửi Tòa án, Tòa án cũng không lấy được ý kiến của cháu T về nguyện vọng muốn ở với bố hay với mẹ do gia đình anh T không hợp tác. Anh T vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên không có quan điểm. Tòa án xét thấy, thỏa thuận của chị Th và anh T tại phiên hòa giải là hoàn toàn tự nguyện; vì vậy, giao con Nguyễn C T cho anh T trực tiếp nuôi và giao con Nguyễn C Th cho chị Th trực tiếp nuôi là phù hợp với quy định của pháp luật và tình hình thực tế của mỗi bên. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, chị Th không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

- Về việc chia tài sản chung:

[6] Chị Th không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

- Về án phí:

[7] Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; chị Nguyễn Th Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[8] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các điều 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Chị Nguyễn Th Th được ly hôn anh Nguyễn C T.

2. Về việc nuôi con:

Chị Nguyễn Th Th và anh Nguyễn C T có hai con chung là Nguyễn C T, sinh ngày 25/7/2005 và Nguyễn C Th, sinh ngày 23/6/2010. Giao con Nguyễn C T

cho anh T trực tiếp nuôi, giao con Nguyễn C Th cho chị Th trực tiếp nuôi cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, chị Th không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về việc chia tài sản:

Chị Nguyễn Th Th không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về án phí:

Chị Nguyễn Th Th phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 14571 ngày 26 tháng 4 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng. Chị Th đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo đối với bản án:

Chị Nguyễn Th Th được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Anh Nguyễn C T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND quận Ngô Quyền;
- Chi cục THADS quận Ngô Quyền;
- UBND phường Đ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng;
- Đương sự;
- Lưu : VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Minh Thu